

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày 12-5-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thiệp.

2. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thái Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLSTDS ngày 02 tháng 01 năm 2020 *“Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam V

Địa chỉ: Tầng 2, Phường 12, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Minh T1, sinh năm 1995. Có mặt

Địa chỉ: 557/24 T2, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2019).

Bị đơn: Ông Trương Minh T, sinh năm 1977. Có mặt

Nơi cư trú: 377D/11, Khu vực 7, phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2019, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam V trình bày:

Vào ngày 13/01/2016, ông Trương Minh T có ký Hợp đồng tín dụng số 20160118-500000-1969 với V, vay số tiền 18.990.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 33.014.000 đồng (gồm gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.377.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.343.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 20/02/2016.

Ông T đã nhận đủ số tiền tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho V 11 lần với tổng số tiền đã trả 15.147.000 đồng. Kể từ ngày 24/3/2017 đến nay, ông T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở.

Ông T đã vi phạm hợp đồng, nên V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T thanh toán cho Ngân hàng số nợ sau:

Nợ gốc: 12.916.604 đồng;

Nợ lãi: 4.950.396 đồng.

Tổng số tiền ông T phải trả cho V là 17.867.000 đồng và lãi chậm thanh toán phát sinh tính đến ngày xét xử khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo bị đơn ông Trương Minh T trình bày:

Ông thừa nhận có vay của V số tiền 18.900.000 đồng, đã trả tổng cộng 19.180.000 đồng (14 tháng x 1.370.000 đồng/tháng). Ông thống nhất với số nợ gốc 12.916.604 đồng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông yêu cầu trả số nợ gốc mỗi tháng 1.370.000 đồng, bắt đầu trả cho nguyên đơn từ tháng 3/2020 cho đến khi trả hết nợ. Về tiền lãi 4.950.396 đồng, ông xin được miễn số tiền này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện và buộc ông T thanh toán nợ gốc và lãi đến thời điểm ngày 03/3/2020 là 15.997.000 đồng (nợ gốc = 11.546.604 đồng, lãi = 4.450.396 đồng). Và tính lãi phát sinh từ ngày 13/5/2020, cho đến khi ông T trả hết nợ.

Bị đơn thừa nhận có vay số tiền 18.990.000 đồng và hàng tháng có trả tiền đầy đủ cho Ngân hàng, nhưng không nhận được hợp đồng vay tiền và các chứng từ thanh toán nên yêu cầu được sao chụp các chứng từ, hợp đồng để theo dõi.

Ý kiến của Kiểm sát viên, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định. Về quan hệ tranh chấp, Tòa án xác định tranh

chấp hợp đồng tín dụng là phù hợp. Về nội dung, ông T có ký hợp đồng tín dụng với VPBFC vào ngày 13/01/2016 để vay tiền tiêu dùng. Sau đó, ông T vi phạm hợp đồng không thực hiện trả nợ như đã thỏa thuận, nên Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán số nợ 15.997.000 đồng (gồm gốc và lãi) là phù hợp.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bị đơn cư trú tại quận N, thành phố Cần Thơ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N và đây là quan hệ tranh chấp về Hợp đồng tín dụng giữa cá nhân với pháp nhân không vì mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung tranh chấp*:

Ngày 13/01/2016, ông Trương Minh T và V, có ký Hợp đồng tín dụng số 20160118-500000-1969 với V, vay số tiền 18.990.000 đồng để tiêu dùng (lãi suất thỏa thuận 5%/tháng). Theo thỏa thuận, ông T phải thanh toán số tiền 33.014.000 đồng (gồm gốc và lãi), trả trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.377.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.343.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 20/02/2016.

Quá trình vay tiền, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng được 11 lần = 15.147.000 đồng. Kể từ ngày 24/3/2017 đến nay ông T không trả vốn và lãi, mặc dù V đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở.

Tuy nhiên, đến ngày 03/3/2020 ông T trả thêm cho Ngân hàng số tiền 1.370.000 đồng và sau đó không chịu thanh toán tiếp.

Tạm tính từ ngày 24/3/2017 đến ngày 12/5/2020, số tiền mà ông T phải thanh toán cho VPBFC là 15.997.000 đồng (nợ gốc = 11.546.604 đồng, lãi = 4.450.396 đồng).

Ngoài ra, ông T còn phải chịu lãi suất phát sinh cho V trên số nợ gốc, tính từ ngày 13/5/2020.

Nếu cần các chứng từ vay tiền, nộp tiền thì ông T liên hệ với Ngân hàng để sao chụp các chứng từ trên.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4]. Về án phí DSST: Bị đơn chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn đã nộp 446.600 đồng theo Biên lai số 002069 ngày 29/11/2019, sẽ được nhận lại số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trương Minh T thanh toán cho Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam V tổng số tiền là 15.997.000 đồng (nợ gốc = 11.546.604 đồng, lãi = 4.450.396 đồng).

Ông T còn phải chịu lãi suất phát sinh cho V trên số nợ gốc, tính từ ngày 13/5/2020.

Nếu cần các chứng từ vay tiền, nộp tiền thì ông T liên hệ với Ngân hàng để xin sao chụp.

Về án phí DSST: Bị đơn phải nộp 799.850 đồng.

Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn được nhận lại 446.600 đồng theo Biên lai số 002069 ngày 29/11/2019.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ
- VKSND quận N
- THADS quận N
- Đường sự
- Lưu hồ sơ Tòa án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Nguyễn Hồng Quân

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ
- VKSND quận Ô Môn
- THADS quận Ô Môn
- Đường sự
- Lưu hồ sơ Tòa án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Quân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA